



TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2021

Số: 20/2021/TTĐH-HĐQT-BCG

## TỜ TRÌNH

*V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Bamboo Capital (BCG)  
(sửa đổi, bổ sung lần thứ 3)*

**Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Bamboo Capital**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ v/v quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital được Hội đồng quản trị thông qua ngày 16/03/2021 (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 24/09/2020) (sửa đổi, bổ sung lần thứ 10);
- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Bamboo Capital (sửa đổi, bổ sung lần thứ 3) được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 24/09/2020;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Bamboo Capital sửa đổi bổ sung lần thứ 2 với nội dung như sau:

### 1. Nội dung sửa đổi, bổ sung:

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
1	<b>Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b>		
	Không có	<b>Bổ sung thêm hai đoạn</b> - Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng	Để phù hợp với quy chế quản trị nội bộ mẫu được ban hành kèm theo Phụ

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		<p>Giám đốc điều hành); trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc điều hành) và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>- Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc điều hành) và những người liên quan.</p>	<p>Lục II của Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
2	<b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b>		
	<p><b>Khoản 1 Điều 2:</b></p> <p>1. “<b>Người có liên quan</b>” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 2:</b></p> <p>1. “<b>Người có liên quan</b>” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp, khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán.</p>
	<p><b>Khoản 3 Điều 2:</b></p> <p>3. “<b>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập</b>” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau: (i) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty. (ii) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. (iii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; (iv) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty; (v) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; (vi)</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 2:</b></p> <p>3. “<b>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập</b>” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Để phù hợp với điểm khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.		
3	<b>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</b>		
	<b>Điểm b, Khoản 1, Điều 3:</b> b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;	<b>Điểm b, Khoản 1, Điều 3:</b> b. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;	Để phù hợp với quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 41 của Luật Chứng khoán.
	<b>Điểm c, Khoản 1, Điều 3:</b> c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;	<b>Điểm c, Khoản 1, Điều 3:</b> c. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;	Để phù hợp với quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 41 của Luật Chứng khoán.
	<b>Điểm d, Khoản 1, Điều 3:</b> d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện quyền bỏ phiếu từ xa;	<b>Điểm d, Khoản 1, Điều 3:</b> d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện quyền bỏ phiếu từ xa hoặc các hình thức khác quy định tại Điều lệ công ty.	Để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp.
4	<b>Điều 4. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn</b>		
	Khoản 2 Điều 4 Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật	Khoản 2 Điều 4 Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Điều lệ và pháp luật	Để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ.
4	<b>Điều 5. Điều lệ Công ty</b>		
	<b>Khoản 1, Điều 5:</b> 1. Điều lệ công ty không được trái với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.	<b>Khoản 1, Điều 5:</b> 1. Điều lệ công ty không được trái với các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.	Để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
5	<b>Điều 6. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường</b>		

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	<p><b>Khoản 1, Điều 6</b></p> <p>1. Công ty xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>d. Cách thức bỏ phiếu;</li> <li>e. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;</li> <li>f. Thông báo kết quả kiểm phiếu;</li> <li>g. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>h. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>i. Thông báo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;</li> <li>j. Các vấn đề khác.</li> </ol>	<p><b>Khoản 1, Điều 6</b></p> <p>2. Công ty xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Thâm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>b. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;</li> <li>c. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>d. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>e. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);</li> <li>f. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>g. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>h. Điều kiện tiên hành;</li> <li>i. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>j. Cách thức bỏ phiếu;</li> <li>k. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;</li> <li>l. Điều kiện để nghị quyết được thông qua;</li> <li>m. Thông báo kết quả kiểm phiếu;</li> <li>n. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>o. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>p. Thông báo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;</li> <li>q. Các vấn đề khác.</li> </ol>	<p>Để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 2 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	<p><b>Khoản 2, Điều 6</b></p> <p>2. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày chốt danh sách. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.</p>	<p>2. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.</p>	<p>Để phù hợp với Điều 273 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
	<p><b>Khoản 3, Điều 6</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Khoản 3. Điều 6</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
	<p><b>Khoản 4, Điều 6</b></p> <p>4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</p>	<p><b>Loại bỏ</b></p>	<p>Để phù hợp khoản 6 Điều 6 quy định tại Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	<p><b>Khoản 5, Điều 6</b></p> <p>5. Hàng năm công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	<p><b>Khoản 4, Điều 6</b></p> <p>4. Hàng năm công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.</p>	<p>Để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
	<p><b>Khoản 7, Điều 6</b></p> <p>7. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức bỏ phiếu khác phù hợp với quy định pháp luật ty để biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</p>	<p><b>Khoản 6, Điều 7</b></p> <p>6. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức bỏ phiếu khác phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ công ty để biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</p>	<p>Để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
	<p><b>Không có</b></p>	<p><b>Bổ sung Khoản 7, Điều 6</b></p> <p>7. Công ty xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập</p>	<p>Ghi nhận theo Khoản 5 và Khoản 6 của Quy chế mẫu</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		<p>và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp giữa hội nghị trực tuyến và họp trực tiếp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;</li> <li>Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;</li> <li>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;</li> <li>Điều kiện tiến hành;</li> <li>Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;</li> <li>Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;</li> <li>Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;</li> <li>Thông báo kết quả kiểm phiếu;</li> <li>Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</li> </ol>	<p>ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
6	<p><b>Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p>	<p><b>Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p>	
	<p><b>Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p> <p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;</li> <li>- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;</li> <li>- Các kế hoạch trong tương lai.</li> </ul>	<p><b>Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p> <p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;</li> <li>- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;</li> <li>- Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Bamboo Capital nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50)% trở lên vốn Điều lệ</li> </ul>	<p>Để phù hợp với quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		<p>với thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;</li> <li>- Hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;</li> <li>- Các kế hoạch trong tương lai.</li> </ul>	
7	<p><b>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p>	<p><b>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p>	
	<p><b>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;</li> <li>- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;</li> <li>- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;</li> <li>- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, s và các cán bộ quản lý khác;</li> <li>- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông.</li> </ul>	<p><b>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;</li> <li>- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị, quyết định của Ban kiểm soát;</li> <li>- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;</li> <li>- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Bamboo Capital nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50)% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác của doanh nghiệp và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao</li> </ul>	<p>Đề phù hợp với khoản 2 và 4 Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>



STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		<p>dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;</li> <li>- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông.</li> </ul>	
8	<b>Điều 9. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b>		
	<p><b>Khoản 2, Điều 9</b></p> <p>2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Khoản 2, Điều 9</b></p> <p>2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Để phù hợp với khoản 1 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
	<p><b>Khoản 3, Điều 9</b></p> <p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p><b>Khoản 3, Điều 9</b></p> <p>3. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Để phù hợp với khoản 5 Điều 20 Điều lệ.</p>
9	<b>Điều 10. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị</b>		
	<p><b>Khoản 3, Điều 10</b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn</p>	<p><b>Khoản 3, Điều 10</b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành.</p>	<p>Để phù hợp với khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên		
		<b>Bổ sung Khoản 4, Điều 10</b> 4. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác.	Để phù hợp với khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
10	<b>Điều 11. Thành phần Hội đồng quản trị</b>		
	<b>Khoản 1, Điều 11</b> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.	<b>Khoản 1, Điều 11</b> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.	Để phù hợp với Khoản 1, Điều 20 của Điều lệ.
	<b>Khoản 3, Điều 11</b> 3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn lên	<b>Khoản 3, Điều 11</b> 3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định như sau: a. Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b. Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c. Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	Để phù hợp với khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
11	<b>Điều 12. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị</b>		
	Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và các đơn vị trong công ty.	Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và các đơn vị trong công ty.	Để phù hợp với khoản 1 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ.
12	<b>Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</b>		
	<b>Khoản 1, Điều 13</b> 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và	<b>Khoản 1, Điều 13</b> 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm	Để phù hợp với khoản 2 Điều 277 Nghị định

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan.	và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.	155/2020/NĐ-CP và Điều lệ.
	<b>Khoản 4, Điều 13</b> 4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phân vốn góp của công ty.	<b>Khoản 4, Điều 13</b> 4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.	Để phù hợp với Điều 277 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP
		<b>Bổ sung Khoản 5, Điều 13</b> 5. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Bamboo Capital nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50)% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;	Để phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
13	<b>Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b>		
	<b>Khoản 1, Điều 14</b> 1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty.	<b>Khoản 1, Điều 14</b> 1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty.	Để phù hợp với Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ.
	<b>Khoản 4, Điều 14</b> a. Trình tự thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: - Xem xét tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị; - Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. - Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;	<b>Khoản 4, Điều 14</b> a. Trình tự thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: - Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị; - Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị; - Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo	Để phù hợp với Khoản 2 và Khoản 4 Điều 3 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.</li> </ul> <p>b. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo họp Hội đồng quản trị (Gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);</li> <li>- Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;</li> <li>- Cách thức biểu quyết;</li> <li>- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</li> <li>- Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;</li> <li>- Thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị.</li> </ul>	<p>quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm hay bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>- Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</li> </ul> <p>b. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;</li> <li>- Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;</li> <li>- Thông báo họp Hội đồng quản trị (Gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);</li> <li>- Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;</li> <li>- Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;</li> <li>- Cách thức biểu quyết;</li> <li>- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</li> <li>- Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>- Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;</li> <li>- Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;</li> <li>- Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</li> </ul>	
		<p><b>Bổ sung Khoản 7, Điều 14</b></p> <p>7. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều</p>	<p>Để phù hợp với khoản 5 Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		hành và các cán bộ quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.	
14	<b>Điều 15. Hợp Hội đồng quản trị</b>		
	<b>Khoản 2, Điều 15</b> 2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	<b>Khoản 2, Điều 15</b> 2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký, chủ tọa và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Để phù hợp với khoản 2 Điều 279 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
15	<b>Điều 17 Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</b>		
	<b>Đoạn 2, Điều 17</b> Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	<b>Đoạn 2, Điều 17</b> Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	Do Điều lệ không có quy định về cơ chế đề cử Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử nên việc tham chiếu ngược lại Điều lệ là không phù hợp.
16	<b>Điều 18. Tư cách thành viên Ban kiểm soát</b>		
	<b>Khoản 1, Điều 18</b> 1. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.	<b>Khoản 1, Điều 18</b> 1. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.	Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ.

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	<p><b>Khoản 2, Điều 18</b></p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p>	<p><b>Khoản 2, Điều 18</b></p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang và/hoặc đã được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	<p>Đề phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
17	<p><b>Điều 19. Thành phần Ban kiểm soát</b></p> <p><b>Khoản 2, Điều 19</b></p> <p>Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p>	<p><b>Bãi bỏ Khoản 2, Điều 19</b></p>	<p>Điều 169 của Luật Doanh nghiệp quy định điều lệ là văn bản quy định về điều kiện, tiêu chuẩn đối với kiểm soát viên.</p> <p>Điều lệ của công ty không có yêu cầu bắt buộc kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên nên quy định này cần được bãi bỏ.</p>
	<p><b>Khoản 3, Điều 19</b></p> <p>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</p>	<p><b>Khoản 2, Điều 19</b></p> <p>Trưởng Ban kiểm soát phải là người có chuyên môn về kế toán và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</p>	<p>Điều 286 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định Trưởng ban kiểm soát phải là người có chuyên môn về kế toán trừ trường hợp điều lệ có quy định khác.</p> <p>Do điều lệ không có quy định khác, quy định này cần được thay đổi để phù hợp với</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
			Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
18	<b>Điều 20. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát</b>		
	<p><b>Khoản 1, Điều 20</b></p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p><b>Khoản 1, Điều 20</b></p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty trong đó có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.</p>	Sửa lại để phù hợp với Khoản 1, Điều 287 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP
19	<b>Điều 21. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b>		
	<p><b>Khoản 1, Điều 21</b></p> <p>1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.</p>	<p><b>Khoản 1, Điều 21</b></p> <p>1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác. Ban kiểm soát đảm bảo phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.</p>	Để phù hợp với Khoản 4 Điều 288 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP
	<p><b>Khoản 4, Điều 21</b></p> <p>4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu</p>	<p><b>Khoản 4, Điều 21</b></p> <p>4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48)</p>	Để phù hợp với Luật Chứng khoán và Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	<p>người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.</p>	<p>giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	
	<p><b>Khoản 5, Điều 21</b> 5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p>	<p><b>Khoản 5, Điều 21</b> 5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p>	<p>Để phù hợp với khoản 1 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
20	<p><b>Không có</b></p>	<p><b>Bổ sung Chương V về Tổng Giám đốc điều hành</b> <b>Điều 23. Bổ nhiệm, ký hợp đồng với Tổng Giám đốc điều hành</b> 1. Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm từ một người trong số các thành viên của Hội đồng quản trị hoặc một người khác. 2. Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan tới việc tuyển dụng Tổng Giám đốc điều hành. 3. Việc ký kết hợp đồng với Tổng Giám đốc điều hành được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của công ty. <b>Điều 24. Bãi nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc điều hành</b> 1. Tổng Giám đốc điều hành bị có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công Ty; hoặc b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.</p>	<p>Để phù hợp với quy chế quản trị nội bộ mẫu được ban hành kèm theo Phụ Lục II của Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>



STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		<p>2. Tổng Giám đốc điều hành có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty; hoặc</li> <li>b. Vi phạm pháp Luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.</li> </ul> <p>3. Quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc điều hành cần được thông qua với ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành.</p> <p><b>Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc điều hành</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Tổng Giám đốc điều hành là người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm Tổng Giám đốc điều hành. Tổng Giám đốc điều hành phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</li> <li>2. Tổng Giám đốc điều hành không được là người có quan hệ gia đình của cán bộ quản lý, kiểm soát viên công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp khác tại công ty.</li> </ul> <p><b>Điều 26. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc điều hành</b></p> <p>Tổng Giám đốc điều hành có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ và pháp luật trong đó có quyền điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.</p> <p><b>Điều 27. Thù lao của Tổng Giám đốc điều hành</b></p> <p>Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc điều hành. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội</p>	

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của công ty.	
21	<b>Điều 28. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác</b>		
	<p><b>Khoản 2, Điều 23</b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>	<p><b>Khoản 2, Điều 28</b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.</p>	<p>Để phù hợp với Khoản 2, Điều 291 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
	<p><b>Khoản 3, Điều 23</b></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p>	<p><b>Khoản 3, Điều 28</b></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50)% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>	<p>Để phù hợp với khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	<p><b>Khoản 4, Điều 23</b></p> <p>4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các thành viên nêu trên, trừ trường hợp (i) Công ty và tổ chức có liên quan đến thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế; (ii) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; (iii) pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p><b>Khoản 4, Điều 28</b></p> <p>4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các thành viên nêu trên, trừ trường hợp (i) Công ty và tổ chức có liên quan đến thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế; (ii) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; (iii) pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>Để phù hợp với Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
	<p><b>Khoản 6, Điều 23</b></p> <p>6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p><b>Khoản 6, Điều 28</b></p> <p>6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố, thông tin nội bộ của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan</p>	<p>Để phù hợp với khoản 5 Điều 292 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
22	<p><b>Điều 33. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành</b></p>		
	<p><b>Khoản 1, Điều 28</b></p> <p>1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.</p>	<p><b>Khoản 1, Điều 28</b></p> <p>1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p>	<p>Để phù hợp với khoản 1 Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
	<p><b>Các quy định từ Điều 23 tới Điều 30</b></p>	<p><b>Được đổi thành Điều 28 tới 35</b></p>	<p>Do có sự bổ sung của các quy định mới có liên quan tới Tổng Giám đốc điều hành</p>

## 2. Hiệu lực của Quy chế sửa đổi, bổ sung:


- Các điều khoản còn lại được giữ nguyên, không thay đổi.
- Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Bamboo Capital (sửa đổi, bổ sung lần thứ 3) có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH *ml*  
  
Nguyễn Hồ Nam